

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Thành Phi và bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Ngọc Vân V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Đỗ Văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V trình bày: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bị đơn không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ và các con. Khi đi làm bên ngoài bị đơn có quan hệ trên mức tình cảm bạn bè với nhiều người khác giới dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ cuối năm 2020 bị đơn bỏ đi làm xa và sống chung với người khác, chỉ thỉnh thoảng ghé về thăm con nhưng tránh mặt để không gặp nguyên đơn, không quan tâm đến vợ con và gia đình nên hai bên đã không còn quan hệ vợ chồng. Nay thấy tình cảm không còn và không có khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn bị đơn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Đỗ Hoàng Minh P, sinh ngày 05/3/2011 và Đỗ Thị Hoàng Y - sinh ngày 11/10/2012. Cả hai con hiện nay do nguyên đơn đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng ở với mẹ nên ly hôn đề nghị Tòa giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000đ/tháng. Tổng cộng hai con 2.000.000đồng/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 2/2022 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện quy định chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Từ khi kết hôn vợ chồng ở nhờ tại nhà của cha mẹ nguyên đơn nên không có mua sắm tài sản gì, chỉ có số tiền 250.000.000đồng do vợ chồng tiết kiệm được là tài sản chung của vợ chồng. Số tiền này do ông Đỗ Văn K đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam thành phố Tuy Hòa, ông K có đưa sổ tiết kiệm cho bà giữ và đã cung cấp cho Tòa án. Ly hôn đề nghị Tòa án chia đôi số tiền 250.000.000đồng, mỗi người nhận 125.000.000đồng. Đối với tiền lãi phát sinh từ tiền gửi nguyên đơn không yêu cầu. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Đỗ Văn Khoan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt do đó không có ý kiến trình bày.

Tòa án huyện Tây Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2022 tại UBND xã Hòa Bình 1 có nội dung: Giữa ông Đỗ Văn Khoan và bà Ngô Ngọc Vân V có mâu thuẫn, ông K đã bỏ đi từ cuối năm 2020 và không còn chung sống với bà Vi nên mới gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên mức độ mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ do các bên không yêu cầu địa phương hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 31/5/2022 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam thành phố Tuy Hòa có nội dung: Ông Khoan gửi tiết kiệm ngày 20/7/2020, số sổ AD 00013861351 ngày 20/7/2020, số tiền gửi là 250.000.000đồng, trong quá trình gửi ông K có rút tiền lãi một lần. Đến ngày 08/3/2021 ông K đến ngân hàng báo mất sổ tiết kiệm nêu trên và yêu cầu rút toàn bộ số tiền đã gửi bao gồm cả gốc và lãi. Ngân hàng đã tiến hành niêm yết thông tin và làm thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 23/3/2021 ngân hàng đã cho ông Khoan rút toàn bộ số tiền trên. Mọi giao dịch từ khi gửi tiền cho đến rút tiền, nhận tiền đã được ngân hàng làm đúng theo quy định của pháp luật và chỉ do một mình ông K chịu trách nhiệm, không có ý kiến cũng không có sự tham gia của bà Vi.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng mỗi người nhận một nửa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 171, 174, 203 Bộ luật tố tụng dân

sự. Tại phiên tòa HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn phải cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng/con. Tổng cộng 2 con 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 2/2022 cho đến khi phát sinh một trong các quy định chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ các Điều 33, 38 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 250.000.000đồng. Bị đơn đã rút và sử dụng số tiền này nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 125.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và được UBND xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp ly hôn.

[2] Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt và bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn trình bày lý do xin ly hôn là do bị đơn không quan tâm đến gia đình, ngoại tình nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, bị đơn đã bỏ đi sống chung với người khác không còn quan hệ vợ chồng với nguyên đơn nên tình cảm giữa nguyên đơn và bị đơn không còn. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình thẩm tra tại phiên tòa. Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Hai con chung tên Đỗ Hoàng Minh P, sinh ngày 05/3/2011 và Đỗ Thị Hoàng Y - sinh ngày 11/10/2012 hiện nay do nguyên đơn đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng ở với mẹ. Theo các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các con chung thì từ trước đến nay con do nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng la cà tụ tập bạn bè nhậu nhẹt không quan tâm đến con cái và gia đình nên con không muốn ở với cha. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi con chung.

Buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 1.000.000đồng, tổng cộng cả hai con là 2.000.000đồng. Về thời điểm cấp dưỡng: Nguyên đơn trình bày ý kiến bị đơn đã bỏ đi, chấm dứt quan hệ vợ chồng với nguyên đơn từ cuối năm 2020, chỉ về nhà thăm con và tránh mặt nguyên đơn, hai bên không gặp mặt nhau nên từ thời gian đó bị đơn không cấp dưỡng nuôi con, nay ly hôn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi nguyên đơn khởi kiện (tháng 2/2022). Lời trình bày của nguyên đơn có xác nhận của chính quyền địa phương và phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thời điểm cấp dưỡng là kể từ tháng 2/2022 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4.3] Về tài sản: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc sổ tiết kiệm số AD 00013861351 ngày 20/7/2020, số tiền gửi là 250.000.000đồng và trình bày số tiền này là do hai bên tiết kiệm trong thời kỳ hôn nhân. Lý do của việc để một mình bị đơn đứng tên trên sổ tiết kiệm là do vợ chồng sắp xây dựng nhà ở, công việc của nguyên đơn rất bận, bị đơn làm nghề xây dựng nên nguyên đơn để bị đơn đứng tên trong sổ tiết kiệm nhằm mục đích khi rút tiền xây dựng nhà sẽ chủ động hơn. Sau khi gửi tiền xong bị đơn mang sổ tiết kiệm về đưa nguyên đơn cất giữ nên rất tin tưởng bị đơn. Nguyên đơn không hề biết việc bị đơn đến ngân hàng báo mất sổ tiết kiệm rồi đơn phương rút và chi tiêu số tiền chung của vợ chồng. Toàn bộ số tiền trên bị đơn sử dụng một mình, không chia cho nguyên đơn cũng không chu cấp cho con chung và không dùng vào sinh hoạt của gia đình nên ly hôn yêu cầu chia đôi, mỗi người nhận 125.00.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án như: Nội dung biên bản xác minh do ngân hàng nơi gửi tiền cung cấp là toàn bộ giao dịch liên quan đến số tiền 250.000.000đồng đều do một mình bị đơn thực hiện, nội dung các biên bản xác minh tại UBND xã Hòa Bình 1 và Công an xã Hòa Bình 1 đều cho thấy bị đơn đã không sống chung với nguyên đơn từ cuối năm 2020 nên việc nguyên đơn trình bày tại yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Số tiền 250.000.000đồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình. Ly hôn nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân gia đình. Bị đơn đã giữ tài sản nên phải có trách nhiệm trả lại $\frac{1}{2}$ số tài sản cho nguyên đơn. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ của số tiền 250.000.000đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người được nhận 125.000.000đồng. Bị đơn đang giữ tiền nên có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 125.000.000đồng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí DSST về chia tài sản chung trên số tiền nhận được.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 33, 38, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V được ly hôn bị đơn Đỗ Văn K.

Về con chung: Giao hai con chung tên Đỗ Hoàng Minh P, sinh ngày 05/3/2011 và Đỗ Thị Hoàng Y - sinh ngày 11/10/2012 cho nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Đỗ Văn K phải cấp dưỡng nuôi hai con chung một tháng 1.000.000đồng/con. Tổng cộng 2.000.000đồng/2con/tháng kể từ tháng 2/2022 cho đến khi một trong các điều kiện quy định chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản: Nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V và bị đơn Đỗ Văn K mỗi người được nhận 125.000.000 đồng trong tổng số tiền 250.000.000đồng tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn đang giữ 250.000.000đồng nên có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Ngô Ngọc Vân V phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 6.250.000đồng án phí DSST, đã nộp 300.000đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002191 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa nên còn phải nộp 6.250.000đồng. Bị đơn Đỗ Văn K phải chịu 300.000đồng án phí Dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con và 6.250.000đồng án phí DSST về việc chia tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Chi cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã Hòa Thành
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Vĩnh Phúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Hà

Phan Thị Liên

Trần Thị Vĩnh Phúc

